

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

Định danh sản phẩm thực phẩm trước khi nhập khẩu, sản xuất

(Kèm theo Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương)

1. Phương pháp tính và các tham số chính

Việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Chi phí được tính toán bằng cách quy đổi thời gian thực hiện các hoạt động bắt buộc thành tiền, dựa trên mức thu nhập bình quân của người lao động.

Tham số chính: Mức thu nhập bình quân 01 người/01 giờ làm việc (TNBQ)

Tham số này được tính toán dựa trên số liệu chính thức gần nhất của Cục Thống kê cho năm 2024.

Chỉ tiêu	Số liệu	Nguồn
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) giá hiện hành	11.511,9 nghìn tỷ VNĐ	Cục Thống kê
Dân số trung bình	101,3 triệu người	Cục Thống kê
Số tháng làm việc/năm	12 tháng	Thông tư số 03/2022/TT-BTP
Số ngày làm việc/tháng	22 ngày	Thông tư số 03/2022/TT-BTP
Số giờ làm việc/ngày	8 giờ	Thông tư số 03/2022/TT-BTP

Công thức tính:

$$\text{TNBQ} = (\text{Tổng sản phẩm trong nước}) / (\text{Dân số} \times 12 \times 22 \times 8)$$

Tính toán:

$$\text{TNBQ} = (11.511.900.000.000.000 \text{ VNĐ}) / (100.300.000 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} \times 8 \text{ giờ}) \approx 53.808 \text{ VNĐ/giờ}$$

Mức TNBQ **53.808 VNĐ/giờ** sẽ được sử dụng cho tất cả các tính toán chi phí thời gian dưới đây.

2. Bảng tính chi phí tuân thủ TTHC: Định danh sản phẩm thực phẩm (Điều 5)

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Định danh sản phẩm thực phẩm trước khi nhập khẩu, sản xuất**

STT	Các công việc/hoạt động	Thời gian (giờ)	Mức TNBQ/giờ (đồng)	Chi phí thuê dịch vụ (đồng)	Phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần/năm	Số lượng đối tượng	Chi phí/TTHC (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ	2,5						134.519		
1.1	Tập hợp thông tin sản phẩm, pháp lý (bản công bố, kiểm nghiệm...)	2,0	53.808	0	0			107.615		Ước tính thời gian cho nhân viên chất lượng
1.2	Scan và chuẩn bị các file điện tử theo yêu cầu	0,5	53.808	0	0			26.904		
2	Nộp hồ sơ (điện tử)	1,0						53.808		
2.1	Đăng nhập, khai báo thông tin và tải tệp lên Cổng thông tin	1,0	53.808	0	0			53.808		
3	Nộp phí, lệ phí									
4	Nhận kết quả (điện tử)	0,1						5.381		
4.1	Kiểm tra email/tài khoản và lưu mã TXNG được cấp tự động	0,1	53.808	0	0			5.381		
	TỔNG	3,6		0	0	5	20.000	193.707	19.370.700.000	(1)

Ghi chú (1):

- Số lần/năm: Giả định trung bình mỗi doanh nghiệp đăng ký 5 dòng sản phẩm mới/lô hàng nhập khẩu mới cần định danh mỗi năm.
- Số lượng đối tượng: Ước tính có khoảng 20.000 cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng.
- Tổng chi phí/năm = Chi phí/TTHC $\times$ Số lần/năm $\times$ Số lượng đối tượng = $193.707 \times 5 \times 20.000 = \mathbf{19.370.700.000}$ VNĐ./.